

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 251/2019/HC-PT

Ngày 14-5-2019

V/v: Khiếu kiện quyết định hành  
chính về ấn định thuế đối với hành  
hóa xuất nhập khẩu.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Công Mười

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Quốc Khởi

Ông Trần Xuân Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:**  
Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 741/2018/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về ấn định thuế đối với hành hóa xuất khẩu, nhập khẩu”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1599/2018/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 603/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu K.

Địa chỉ: Phường z, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện:* Ông Thạch Lê M (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền* (Theo Giấy ủy quyền số 12/UQ-TA ngày 10/4/2018): Ông Trần Đăng M1 (có mặt).

Địa chỉ: Phường J, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện*: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S – Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: phường Y, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện*: Ông Tô Giang N, sinh năm 1966 - Chức vụ, Phó Đội trưởng Đội thủ tục hàng hóa nhập khẩu của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tháng 4 năm 2017, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S (gọi Chi cục trưởng) ban hành Quyết định số 53363/QĐ-KVI/ABT-HHN (gọi Quyết định 53363) về việc ấn định thuế đối với lô hàng X của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu K (gọi K) theo Tờ khai hải quan số 101186903640/A11/02CI ngày 20/12/2017 (gọi Tờ khai 3640) của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S (gọi Hải Quan). Tổng số tiền thuế ấn định là 355.173.552 đồng trong đó : Thuế nhập khẩu: 196.273.734 đồng, thuế giá trị gia tăng : 158.899.818 đồng. Không đồng ý với Quyết định 53363, K thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án.

*Tại Đơn khởi kiện ngày 11/9/2017 và Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 09/4/2018, người khởi kiện Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu K có ông Trần Đăng M1 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Theo Tờ khai 3640 K có thực hiện việc nhập khẩu lô hàng vải không dệt quy cách 36 inch 50Y/cuộn hàng mới 100%, số lượng 1.325 cuộn, mã HS 5603.13.00, xuất xứ: CN (Trung Quốc) vào ngày 20/12/2016, do mặt hàng này có C/O Form E nên được hưởng thuế xuất nhập khẩu là 0%. Khi làm thủ tục hải quan đại diện của K có xuất trình các chứng từ để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ lô hàng. Tuy nhiên, Hải Quan lại thực hiện việc lấy mẫu hàng đi phân tích tại Chi cục Kiểm định Hải quan 3.

Theo Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa số 213/TB-KD93 ngày 17/02/2017 (gọi Thông báo 213) Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã cho ra kết quả lô hàng theo Tờ khai 3640 là “*X từ polyester, chưa được ngâm tẩm, tráng phủ hoặc ép lớp; trọng lượng 145g/m<sup>2</sup>, dạng cuộn, khổ lớn hơn 1m*” và xác định mã hàng hóa là HS 5602.10.00. Từ cơ sở này, Chi cục trưởng ban hành Quyết định 53363 để ấn định thuế buộc K phải nộp là 20%, thành tiền 196,273,734 đồng.

Để chứng minh lô hàng thuộc HS 5603.13.00, được hưởng thuế xuất nhập khẩu là 0%. K đã tự yêu cầu phân tích mẫu, theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 14306-2-1/TNV ngày 12/6/2017 của Trung tâm thí nghiệm D của Phân viện D tại thành phố Hồ Chí Minh và Phiếu kết quả thử nghiệm ngày 16/6/2017 ký hiệu KT3-03494AHD7 của Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 của Tổng cục tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thì lô hàng là “vải không dệt” và 100% Polyester. Kết quả này trùng khớp với thực tế lô hàng nhập khẩu như K đã khai báo.

Theo phân loại khối lượng hàng hóa của Tổng cục Hải quan Việt Nam thực hiện qua việc tra cứu thông tin từ cổng thông tin điện tử VNACCS/VCIS thì lô hàng trên nhập về có khối lượng 145g/m<sup>2</sup>, phù hợp với việc xếp loại *sản phẩm không dệt* có mã HS 5603.13.00 được hưởng mức thuế xuất nhập khẩu là 0%. Còn nếu theo Hải Quan là X có mã HS 5602.10.00 thì khối lượng phải đạt 183g/m<sup>2</sup> áp dụng mức thuế suất nhập khẩu là 20%. Việc Hải quan xếp loại lô hàng theo Tờ khai 3640 từ *vải không dệt* mã HS 5603.13.00, thuế suất nhập khẩu 0% thành X mã HS 5602.10.00, thuế suất nhập khẩu 20% đã gây thiệt hại cho K với số tiền 196.273.734 đồng mà lẽ ra K không phải nộp

Đối với việc xác định giá trị lô hàng trên về phía Hải quan cũng có sai sót về trị giá đơn hàng nhập, cụ thể: Theo C/O Form E thì lô hàng nhập về là 1.325 cuộn x 8 USD/cuộn = 10.600 USD. Hải quan tự ý áp giá theo mức 54 USD/cuộn để làm căn cứ tính thuế nhập khẩu gây thiệt hại cho K.

Vì vậy, K yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 53363 và công nhận lô hàng theo Tờ khai 3640 có mã là HS 5603.13.00 được hưởng thuế suất nhập khẩu 0%.

*Ông Thạch Lê M đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu K trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:*

Theo Giấy giới thiệu ngày 25/12/2016, K chỉ giới thiệu ông Võ Duy T thay mặt K ra cảng làm thủ tục hải quan để nhận hàng. Sau khi kiểm tra Hải quan đề nghị lấy mẫu phân tích, ông T có tham gia trong việc lấy mẫu và có báo cho ông biết việc tham gia lấy mẫu này. Việc Hải quan cho ông T tham gia lấy mẫu là không đúng quy định vì ông không ủy quyền cho ông T tham gia lấy mẫu.

*Tại Văn bản số 11269/KV1-ĐHHN ngày 31/10/2017 và Văn bản số 14397/KV1-ĐHHN ngày 26/12/2017 người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng S có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của K như sau:*

Chứng từ kèm theo bộ Tờ khai 3640 K nộp cho cơ quan Hải Quan gồm: Invoice, Vận tải đơn, Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) đều thể hiện tên hàng là Polyester Felt (dịch ra tiếng việt là phớt từ polyester). Nhưng K khai báo tên hàng trên Tờ khai 3640 là : *vải không dệt, quy cách 36" x 50Y/cuộn và áp vào mã số: 5603.13.00 – là sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm tráng phủ hoặc ép lớp từ sợi filament nhân tạo*. Do đó, sau khi kiểm tra thực tế hàng hóa, kiểm hóa viên đã tiến hành lấy mẫu gửi đến Chi cục Kiểm định Hải quan 3 để phân tích.

Cơ sở để áp mã số HS đối với Mục 1 Tờ khai 3640 của K là Thông báo kết quả số 213 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 và Thông báo 11783/TB-TCHQ ngày 14/12/2015 của Tổng cục Hải quan về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Ngày 05/7/2017, tại buổi làm việc giải quyết khiếu nại của K, ý kiến của Chi cục Kiểm định Hải quan 3; đại diện K và đại diện Hải Quan thể hiện theo nội dung Biên bản làm việc đề cùng ngày như sau: *Chi cục căn cứ vào kết quả phân tích, hồ sơ tài liệu do nhà sản xuất cung cấp "Polyester Felt", các tài liệu chuyên ngành về X, chú giải HS, kết quả trưng cầu*

*giám định số: 09/VMD ngày 04/02/2017 của Viện D; khẳng định kết quả phân tích và mã số thuế phù hợp. K đã hiểu rõ và thống nhất về kết quả phân tích và mã số hàng hóa của Thông báo 213.*

K cho rằng lô hàng trên là sản phẩm không dệt từ sợi filament nhân tạo để được áp vào mã số HS 5603.13.00; xuất xứ Trung Quốc được hưởng mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt là: 0% do có C/O Form E; thuế suất VAT: 10% thì K phải cung cấp các tài liệu, chứng từ chứng minh. Nếu không có đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của K.

*Tại bản án sơ thẩm số 1599/2018/HC-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, điểm b Khoản 2 Điều 157 và Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính và Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ K về yêu cầu hủy Quyết định số 53363/QĐ-KV1/ADT-HHN ngày tháng 4 năm 2017 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S về việc ấn định thuế đối với lô hàng X thuộc tờ khai hải quan số 10118690364/A11/02CI ngày 20/12/2017 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S của Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu K – Mã số thuế: 0313610797, địa chỉ: Phường z, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh và công nhận lô hàng vải không dệt đã nhập khẩu theo tờ khai hải quan trên có mã HS 5603.13.00 được hưởng thuế suất nhập khẩu là 0% do có C/O form E.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13/11/2018 Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:* Việc lấy mẫu giám định của cơ quan Hải quan là hợp pháp theo Điều 26 Luật Hải quan, sau đó phía Công ty cũng không phản đối với kết quả giám định. Do vậy, Hải quan đưa ra mức áp giá là đúng quy định của Bộ Tài chính. Yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của phía người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận của các đương sự;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của người khởi kiện thấy rằng: Chứng cứ tại hồ sơ đã thể hiện

[1.1] Theo Phiếu ghi kết quả kiểm tra ngày 20/12/2016 thì toàn bộ lô hàng theo Tờ khai 3640 được kiểm tra bằng phương pháp thủ công. Bao bì: PP; có XX, KMN trên bao bì; hàng mới 100%; để tên hàng: vải không dệt, quy cách 36"x50Y/cuộn; định lượng 150g/m<sup>2</sup>. Kết luận: Hàng nhập khẩu đã kiểm tra không phù hợp với khai báo của người khai hải quan.

Tại Phiếu yêu cầu phân tích, phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kiêm biên bản lấy mẫu số 396/KV1-ĐHHN ngày 27/12/2016 thì các Công chức hải quan và đại diện chủ lô hàng có tiến hành lấy mẫu đối với lô hàng theo Tờ khai 3640.

[1.2] Qua khai báo của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ K (Công ty K) và Kết quả phân tích phân loại của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thì lô hàng theo Tờ khai 3640 mà K khai báo có khác nhau về mã số hàng hóa, cụ thể: Công ty K khai hàng hóa là vải không dệt, quy cách 36" x 50Y/cuộn, hàng mới 100%; số lượng 1.325 cuộn; mã số HS 5603.13.00; Xuất xứ CN; thuế suất nhập khẩu 0% (do có C/O form E), thuế suất VAT: 10%. Tại Thông báo số 213/TB-KD93 ngày 17/02/2017 Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã thông báo kết quả phân tích đối với mẫu được lấy từ lô hàng theo Tờ khai 3640 như sau: *X từ polyester, chưa được ngâm tẩm, tráng phủ hoặc ép lớp; trọng lượng 145g/m<sup>2</sup>, dạng cuộn, khổ lớn hơn 1m. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 5602.10.00*". Sau khi nhận Thông báo số 213/TB-KD93 ngày 17/02/2017 Chi cục Kiểm định Hải quan 3, Công ty K cũng không thực hiện việc khiếu nại. Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 05/7/2017, đại diện Công ty K đã được Chi cục Kiểm định Hải quan 3 giải thích, đã hiểu và thống nhất về kết quả phân tích và mã hàng hóa của Thông báo kết quả phân tích. Do đó, Căn cứ Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, giám sát, kiểm sát, kiểm soát hải quan, công nhận kết quả phân tích phân loại tại Thông báo số 213/TB-KD93 ngày 17/02/2017 Chi cục Kiểm định Hải quan 3 là phù hợp.

[1.3] Căn cứ Phụ lục II Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ thì mã hàng 5602.10.00 có mức thuế suất là 12%. Do đó, Chi Cục trưởng ấn định thuế suất đối với lô hàng nhập khẩu của Công ty K theo Tờ khai 3640 với thuế suất 12% với số tiền thuế nhập khẩu 196.273.734 đồng và thuế giá trị gia tăng 183.188.818 đồng, tổng cộng là 355.173.553 đồng là có cơ sở.

[1.4] Căn cứ Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ tài chính quy định

về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Chi cục trưởng ban hành Quyết định số 53363/QĐ-KV1/ADT-HHN là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của K về việc Hủy Quyết định số 53363/QĐ-KV1/ADT-HHN của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S.

[2] Về trình bày của đại diện Công ty K đối với Phiếu ghi kết quả kiểm tra đăng ký ngày 20/12/2016, có việc ghi thêm dẫn đến đảo ngược kết quả kiểm tra; có sự mâu thuẫn giữa kết quả kiểm tra và đề xuất của cán bộ hải quan. Tại 2 Phiếu ghi kết quả kiểm tra đề cùng ngày đăng ký là 20/12/2016 do Hải quan cung cấp, ở phần kết luận kiểm tra thực tế của cả 2 phiếu có cùng nội dung “...Hàng nhập khẩu đã kiểm tra phù hợp với khai báo của người khai hải quan”, nội dung này được in bằng máy vi tính và có đề xuất kết quả xử lý kiểm tra là “Giải phóng hàng”, 3 chữ này được viết tay. Trong 2 phiếu có 1 phiếu có chữ viết tay ghi thêm là “không” trên nội dung từ “...Hàng nhập khẩu đã kiểm tra phù hợp với khai báo của người khai hải quan” thành “...Hàng nhập khẩu đã kiểm tra không phù hợp với khai báo của người khai hải quan”. Theo quy định Điều 3 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, việc kiểm tra trị giá hải quan do Cơ quan hải quan thực hiện, người khai hải quan khi làm thủ tục hải quan có quyền và nghĩa vụ tự kê khai, tự xác định trị giá hải quan; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính trung thực của các nội dung kê khai và kết quả tự xác định trị giá hải quan; làm rõ sự nghi ngờ của cơ quan hải quan liên quan đến trị giá khai báo. Công ty K phải có trách nhiệm chứng minh tính chính xác của lô hàng theo Tờ khai 3640 để làm rõ nghi ngờ đối với Hải quan, việc ghi thêm chữ trên không làm thay đổi giá trị kiểm tra thực tế của lô hàng theo Tờ khai 3640 mà Công ty K đã khai báo nhập khẩu. Do đó, không chấp nhận phần trình bày này của Công ty K.

[2.1] Về tham gia lấy mẫu, Công ty K cho rằng không có ủy quyền cho ông Võ Duy T tham gia lấy mẫu theo quy định của Bộ luật Dân sự, Hải quan cho ông T tham gia lấy mẫu là sai quy định. Theo Giấy giới thiệu số 01 GT ngày 25/12/2016, Công ty K giới thiệu ông Võ Duy T là nhân viên đến Chi cục Hải quan khu vực 1 để làm thủ tục hải quan.

Tại điểm a Khoản 1 Điều 21 và Khoản 5 Điều 26 Luật Hải quan quy định: “*Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan có trách nhiệm khai và nộp hồ sơ hải quan...*”. Căn cứ vào Giấy giới thiệu và lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của Công ty K tại phiên tòa thì ông T là đại diện của chủ lô hàng và là người khai hải quan đối với lô hàng theo Tờ khai 3640. Đại diện người khởi kiện cho rằng không ủy quyền cho ông T tham gia lấy mẫu, theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 143 Bộ luật Dân sự thì ông T đã thực hiện vượt quá phạm vi đại diện. Tuy nhiên, việc vượt quá phạm vi đại diện Công ty K biết nhưng không phản đối ngay sau đó. Hơn nữa Kết quả phân tích tại Thông báo

213 Công ty K đã thống nhất với Hải quan và Chi cục Kiểm định tại Biên bản làm việc đề ngày 05/7/2017. Vì vậy, không chấp nhận trình bày của đại diện Công ty K về việc Hải quan cho ông T tham gia lấy mẫu là sai quy định.

[2.2] Đối với yêu cầu công nhận lô hàng vải không dệt đã nhập khẩu có mã HS 5603.13.00 để K được hưởng thuế suất nhập khẩu là 0% do có C/O form E. Như đã nhận định ở trên yêu cầu này Công ty Kim Kim Long không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Vì lẽ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty K là có căn cứ và đúng pháp luật. Phía người khởi kiện kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào khác có thể làm thay đổi bản chất cũng như nội dung có liên quan đến việc giải quyết của cấp sơ thẩm, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu K, giữ nguyên bản án số 1599/2018/HC-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính và Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ K về yêu cầu hủy Quyết định số 53363/QĐ-KV1/AĐT-HHN ngày tháng 4 năm 2017 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S về việc ấn định thuế đối với lô hàng X thuộc tờ khai hải quan số 10118690364/A11/02CI ngày 20/12/2017 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S của Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu K – Mã số thuế: 0313610797, địa chỉ: 338 Hồng Bàng, Phường z, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh và công nhận lô hàng vải không dệt đã nhập khẩu theo tờ khai hải quan trên có mã HS 5603.13.00 được hưởng thuế suất nhập khẩu là 0% do có C/O form E.

Công ty Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu K phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 45675 ngày 19/11/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM (1);
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), NTBP, 14.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Mười**